

<i>Ngày soạn</i> 23/10/2024	<i>Dạy</i>	<i>Ngày</i>	30/10/2024	30/10/2024
		<i>Tiết(TKB)</i>	4	5
		<i>Lớp</i>	6D	6E

TIẾT 23. ÔN TẬP GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ, yêu cầu cần đạt

Thông qua bài học, HS tái hiện được:

- Những hiểu biết cơ bản về môn Lịch sử.
- Cách tính thời gian trong lịch sử.
- Sự xuất hiện của con người trên trái đất và xã hội nguyên thủy

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- Năng lực riêng:
 - Trình bày được khái niệm lịch sử, sự cần thiết học lịch sử.
 - Mô tả được sự xuất hiện của con người và xã hội loài người.
 - So sánh được sự khác nhau giữa người tinh khôn với người tối cổ.

3. Phẩm chất

Tình cảm đối với tự nhiên và nhân loại. Tôn trọng những giá trị nhân bản của loài người như sự bình đẳng trong xã hội. Tôn trọng di sản văn hoá của tổ tiên để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- KHBD, SGK, SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Các hình ảnh về người vượn, người tối cổ, người tinh khôn và một số công cụ lao động thời nguyên thủy
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Gv tổ chức hS chơi trò chơi “ Nhìn hình đoán chữ “

HS làm, GV cho điểm và dẫn dắt vào bài

H Đ2: Ôn tập

Hoạt động 1: Sơ lược về môn lịch sử

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS tái hiện được những hiểu biết sơ lược nhất về môn lịch sử, cách tính thời gian trong lịch sử

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao NV học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Lịch sử là gì ? + Học lịch sử để làm gì? + Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? + Hiểu biết của em về những loại lịch đang sử dụng hiện nay <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p>	<p>1. Sơ lược về môn lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. Lịch sử còn là khoa học tìm hiểu và dựng lại những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ - Học Lịch sử để biết cội nguồn, biết cha ông đã sống, lao động và chiến đấu như thế nào để có cuộc sống ngày nay - Các nguồn tư liệu: truyền miệng, tư liệu gốc, chữ viết, hiện vật - Dương lịch(Công lịch), Âm lịch

Hoạt động 2: Nguồn gốc loài người

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS tái hiện được những hiểu biết về quá trình tiến hóa từ vượn người thành người

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: GV chuyển giao NV học tập GV chiếu hs quan sát một số bức hình về vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn</p> <p>- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Em hãy nhắc lại quá trình tiến hóa từ Vượn người thành người ? + so sánh sự khác nhau giữa vượn người với Người tối cổ và Người tinh khôn ?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p>	1. Nguồn gốc loài người			
		Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn
	Thời gian xuất hiện	Cách đây khoảng 6 triệu đến 5 năm triệu năm	Cách đây khoảng 4 triệu năm	Cách đây khoảng 150.000 năm
	Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất	Châu Phi	Đông Nam Á	
	Đặc điểm não, hình dạng bên ngoài	Cơ thể của loài vượn cổ này được bao phủ bởi một lớp lông dày, đã có thể đứng và đi bằng hai chân, bàn tay bước đầu được giải phóng dùng để cầm, nắm.	Thể tích não từ 850-1100cm ³ , người đứng thẳng	Thể tích não 1450cm ³ , cấu tạo cơ thể cơ bản giống người ngày nay
	Đặc điểm vận động	Leo trèo	Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân	Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân
	Công cụ lao động	Chưa có công cụ lao động	Biết ghè đẽo làm công cụ lao động	Công cụ lao động sắc bén hơn

Hoạt động 3: Xã hội nguyên thủy

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS tái hiện được những hiểu biết tổ chức xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao NV học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại + Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy? <p>Gv cho HS quan sát hình ảnh về công cụ lao động, tranh mô phỏng về cuộc sống người nguyên thủy</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người nguyên thủy đã làm gì để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đánh giá, nhận xét, sơ kết bài</p>	<p>3. Xã hội nguyên thủy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội nguyên thủy đã trải qua 2 giai đoạn phát triển: + Bầy người nguyên thủy: + Công xã thị tộc: - Người nguyên thủy biết trồng trọt chăn nuôi - Họ có đời sống tinh thần khá phong phú

Hoạt động 4: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS tái hiện được điều kiện ra đời, những nét chính về thành tựu văn hoá của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao NV học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại + Điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên, về sản xuất nông nghiệp của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. + Nêu và nhận xét những thành tựu văn hoá chủ yếu của người Ai Cập và Lưỡng Hà <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	

GV đánh giá, nhận xét, sơ kết bài

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 phần Luyện tập SHS trang 25: Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thủy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Sự tiến triển của người nguyên thủy về:
+ Công cụ lao động: công cụ ghè đẽo (rìu cầm tay), công cụ rìu mài lưỡi, rìu có tra cán, cung tên.

+ Cách thức lao động: săn bắt hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

b. Nội dung: HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần Vận dụng SHS trang 20: Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng, còn người châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời: Châu Phi là nơi con người xuất hiện sớm nhất, di cư qua các châu lục, môi trường sống khác nhau, cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường. Tuy nhiên họ vẫn chung một nguồn gốc.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức